TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2017/DS-PT
Ngày: 19-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản;
thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thinh

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLPT-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2017/DS-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2017, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2017/QĐ-PT, ngày 01 tháng 12 năm 2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960; cư trú tại: Số nhà A, hẻm B, đường Đ, khu phố N, phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967;
2.2. Chị Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1986;
2.3. Chị Trần Thị Ngọc T2, sinh năm 1988;
2.4. Chị Trần Thị Ngọc T3, sinh năm 1995;
Cùng cư trú tại: Số B, hẻm A, đường Đ, khu phố NL, phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; bà B, chị T3 có mặt, chị T1, T2 vắng mặt

2.5. Chị Trần Thị Ngọc T4, sinh năm 1980; cư trú tại: Số B, hẻm A, đường Đ, khu phố NL, phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Số A, ấp T, xã TC, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trang Phước L, sinh năm 1954; cư trú tại: Số nhà A, hẻm B,

đường Đ, khu phố N, phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.2. Ngân hàng A; địa chỉ trụ sở: Số A, đường L, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị A trình bày:

Từ đầu năm 2016 đến tháng 10-2016, ông Đ vay tiền của bà để đáo hạn Ngân hàng nhiều lần. Lần đầu vay xong là ông Đ đã trả nhưng 03 lần gần nhất là chưa trả. Cụ thể: Ngày 10-7-2016, ông Đ vay bà số tiền 640.000.000 đồng; ngày 25-9-2016, ông Đ vay tiếp bà số tiền 100.000.000 đồng; ngày 27-10-2016, ông Đ vay tiếp bà số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng ông Đ còn nợ 790.000.000 đồng.

Khi vay tiền ông Đ có viết giấy ký nhận nợ và thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Mục đích ông Đ vay nói miệng là để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay, ông Đ gọi điện thoại cho bà và vợ chồng bà cầm tiền đến Ủy ban nhân dân phường NT giao tiền trực tiếp cho ông Đ. Bà B không ký vào giấy ký nhận tiền nhưng việc ông Đ vay tiền bà B biết rất rõ.

Từ tháng 7-2016 đến tháng 11-2016, ông Đ đã đóng lãi cho bà được 84.300.000 đồng. Ông Đ hẹn ngày 30-12-2016 sẽ trả trước cho bà tiền vốn 400.000.000 đồng nhưng không trả. Bà đến nhà lấy tiền thì ông Đ đang nằm trong Bệnh viện đa khoa tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 31-12-2016, thì ông Đ chết. Bà xác định đây là khoản nợ chung ông Đ, bà B vay bà để đáo hạn Ngân hàng và chi phí cho gia đình.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B là vợ và các con của ông Đ có trách nhiệm liên đới trả bà số tiền 790.000.000 đồng, trừ tiền lãi ông Đ đã trả 84.300.000 đồng, còn phải trả 705.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà là vợ của ông Đ, bà và ông Đ sống chung với nhau từ năm 1986 nhưng mới đăng ký kết hôn khoảng 6 năm nay. Bà và ông Đ có 03 người con chung là Trần Thị Ngọc T1; Trần Thị Ngọc T2 và Trần Thị Ngọc T3. Ông Đ có một người con riêng là Trần Thị Ngọc T4. Ông Đ bị bệnh chết ngày 31-12-2016, không để lại di chúc. Ông Đ chết để lại di sản là nhà đất cùng địa chỉ bà cư trú, hiện nay bà và các con đang ở và quản lý. Ông Đ đang thế chấp nhà đất vay tiền của Ngân hàng 250.000.000 đồng. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A vì việc ông Đ vay tiền của bà A bà không biết và không sử dụng.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị Ngọc T4, Trần Thị Ngọc T1, Trần Thị Ngọc T3 và Trần Thị Ngọc T2 trình bày: Các chị đồng ý với lời trình bày của bà B về quan hệ, ngày ông Đ chết. Ông Đ có để lại di sản là nhà đất hiện nay bà B và các chị đang ở và quản lý. Việc ông Đ khi còn sống vay tiền bà A thì bà B và các chị không biết và cũng không đồng ý trả.

Ông Trang Phước L trình bày: Ông là chồng của bà A, ông thống nhất với lời trình bày của bà A. Yêu cầu Tòa án buộc bà B, chị T4, chị T1, chị T2, chị T3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền 705.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng A, chi nhánh tỉnh Tây Ninh, phòng giao dịch HN bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 17-02-2016, ông Đ, bà B có vay Ngân hàng A, chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch HN số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để chăn nuôi bò và sản xuất mãng cầu. Thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 17-02-2019. Ông Đ, bà B đã quá nợ phân kỳ từ ngày 17-02-2017. Ông Đ, bà B còn nợ gốc là 250.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 05-7-2017 là 25.910.000 đồng. Tài sản bảo đảm nợ vay là đất thổ cư + đất vườn diện tích 658m^2, thửa số 317, tờ bản đồ số 9, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01667 do Ủy ban nhân dân huyện HT cấp ngày 18-12-1995, đất tọa lạc tại khu phố NL, phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Phòng giao dịch khu vực HN không tham gia tố tụng trong vụ án nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 94/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 298, 471, 474 và 637 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Buộc bà Nguyễn Thị B, chị Trần Thị Ngọc T4, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc T2, chị Trần Thị Ngọc T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị A, ông Trang Phước L số tiền 705.700.000 đồng, trong đó chị T4, chị T1, chị T2, chị T3 chỉ có trách nhiệm trong phạm vi di sản do ông Trần Ngọc Đ để lại. Ghi nhận bà A, ông L không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị B, chị Trần Thị Ngọc T4, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc T2, chị Trần Thị Ngọc T3 phải chịu 32.228.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị A, ông Trang Phước L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh hoàn trả lại cho bà A số tiền bà đã nộp 17.800.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003659 ngày 19-01-2017.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị B, chị Trần Thị Ngọc T4, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc T3, Trần Thị Ngọc chị T2 phải chịu 1.020.000 đồng tiền giám định và 600.000 đồng tiền đo đạc, định giá. Tổng cộng, bà B, chị T4, chị T1, chị T3, chị T2 phải chịu là 1.620.000 đồng. Bà A đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.620.000 đồng. Thu số tiền 1.620.000 đồng của bà B, chị T4, chị T1, chị T3, chị T2 trả lại cho bà A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 29-8-2017, bà Nguyễn Thị B là bị đơn kháng cáo cho rằng ông Đ nợ bà A 790.000.000 đồng là nợ riêng của ông Đ, bà không biết khoản nợ này nên không đồng ý trả như cấp sơ thẩm tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà B: Bà A không yêu cầu bà B phải chịu trách nhiệm ½ của số tiền ông Đ vay, bà chỉ yêu cầu những người đang quản lý tài sản của ông Đ trả cho vợ chồng bà số tiền 705.700.000 đồng.

Bà B xác định bà và các con đang quản lý nhà đất do ông Đ để lại và thực hiện việc trả nợ cho bà A trong phạm vi di sản ông Đ để lại.

Bà A tự nguyện chịu chi phí giám định, đo đạc, định giá với số tiền 1.620.000 đồng (đã nộp xong).

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà B, đình chỉ một phần yêu cầu của bà A; sửa án sơ thẩm theo hướng buộc những người thừa kế đang quản lý di sản của ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho bà A trong phạm vi di sản ông Đ để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc ông Đ vay tiền của bà A vào các ngày 10-7-2016, 25-9-2016 và 27-10-2016, chỉ có một mình ông Đ ký nhận nợ. Theo kết luận giám định số 28/GT.2017 ngày 01-6-2017 xác định: Chữ ký và chữ viết trong các giấy nợ gửi giám định là chữ ký và chữ viết của Trần Ngọc Đ. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định ông Đ vay tiền bà A là có căn cứ. Do ông Đ chết vào ngày 31-12-2016 không để lại di chúc, di sản của ông Đ để lại là nhà và đất tọa lạc tại khu phố NL, phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh hiện do bà B và các con là chị Trần Thị Ngọc T4, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc T2, chị Trần Thị Ngọc T3 quản lý và chưa chia thừa kế, nên căn cứ theo Điều 637 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì những người quản lý di sản của ông Đ là vợ và các con ông Đ có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Đ trong phạm vi di sản do ông Đ để lại.

[3] Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà A yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả ½ số nợ ông Đ vay vì bà A cho rằng đây là nợ chung vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu bà B cùng thực hiện trả nợ do ông Đ vay và xác định số tiền ông Đ vay là nợ riêng của ông Đ nên chỉ yêu cầu những người thừa kế và đang quản lý di sản của ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Đ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà A. Nội dung này thuộc yêu cầu kháng cáo của bà B nên yêu cầu kháng cáo của bà B được chấp nhận.

[4] Số tiền bà A cho ông Đ vay tổng cộng là 790.000.000 đồng. Ông Đ đã trả lãi cho bà A được 84.300.000 đồng, bà A đồng ý lấy tiền lãi đã nhận trừ vào tiền gốc nên ông Đ còn nợ bà A 705.700.000 đồng. Do đó, những người quản lý di sản của ông Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà A số tiền 705.700.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của bà A được chấp nhận nên bà B, chị T1, chị T4, chị T2, chị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà A nhưng trong phạm vi di sản do ông Đ để lại, bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà B được chấp nhận và sửa án sơ thẩm, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Bà A tự nguyện chịu 1.020.000 đồng tiền giám định và 600.000 đồng tiền đo đạc, định giá; tổng cộng 1.620.000 đồng nên ghi nhận (bà A đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 và 637 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 28, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu bà B cùng thực hiện nghĩa vụ trả ½ số nợ do ông Đ vay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc bà Nguyễn Thị B, chị Trần Thị Ngọc T4, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc T2, chị Trần Thị Ngọc T3 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A và ông Trang Phước L số tiền 705.700.000 (bảy trăm lẻ năm triệu bảy trăm ngàn) đồng trong phạm vi di sản do ông Trần Ngọc Đ để lại.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng trong phạm vi di sản do ông Trần Ngọc Đ để lại.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị B, chị Trần Thị Ngọc T4, chị Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc T2, chị Trần Thị Ngọc T3 có nghĩa vụ nộp 32.228.000 (ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi tám ngàn) đồng trong phạm vi di sản do ông Trần Ngọc Đ để lại.

- Bà Nguyễn Thị A, ông Trang Phước L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh hoàn trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 17.800.000 (mười bảy triệu tám trăm ngàn) đồng tại biên lai thu số 0003659 ngày 19-01-2017.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004473, ngày 06-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

5. Về chi phí tố tụng: Bà A tự nguyện chịu số tiền chi phí đo đạc, định giá và chi phí giám định tổng cộng 1.620.000 đồng (đã nộp xong).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tp TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Chi cục THADS Tp TN;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Văn Thinh